

Part 12:

English	Answer	Vietnamese
108. See you tomorrow	108 -	D. Mở cửa
109. See you on Monday	109 -	E. Mở sách của bạn
110. Have a nice weekend	110 -	F. Chúc mừng
111. Open the door	111 -	G. Bạn đang làm gì vậy?
112. Close the door	112 -	H. Tôi đang chơi game
113. Open your book	113 -	I. Hẹn gặp lại ngày mai
114. Close your book	114 -	J. Chúc mừng năm mới
115. Good luck	115 -	K. Tôi đang xem Youtube
116. Congratulations	116 -	L. Tôi đang học tiếng Anh
117. Happy new year	117 -	M. Hẹn bạn vào thứ hai!
118. Happy birthday	118 -	N. Đóng sách của bạn
119. What are you doing?	119 -	O. Chúc cuối tuần vui vẻ
120. I'm studying English	120 -	P. Chúc may mắn
121. I'm playing video games	121 -	Q. Đóng cửa
122. I'm watching YouTube	122 -	R. Chúc mừng sinh nhật